|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày tháng 4 năm 2023*  | *Họ và tên giáo viên:* Trần Thị Hòa*Tổ chuyên môn:* Toán – Tin – CN Lý – Thiết bị GD |

**ÔN TẬP CUỐI NĂM**

Môn học: Toán; lớp: 7

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Học xong bài này,HS củng cố, rèn luyện kĩ năng các kiến thức:

- Góc và cạnh của một tam giác

- Các trường hợp bằng nhau của tam giác, của tam giác vuông.

- Tam giác cân

- Đường vuông góc và đường xiên.

- Đường trung trực của một đoạn thẳng.

- Tính chất ba đường trung trực của tam giác.

- Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác.

- Tính chất ba đường cao của tam giác.

**2. Năng lực**

- *Năng lực tư duy và lập luận:* Lập luận, dẫn dắt kiến thức lôgic, liền mạch.

- *Năng lực giải quyết vấn đề:* Nắm vững kiến thức cũ, phân tích định hình được hướng giải quyết.

- *Năng lực giao tiếp:* Tiếp thu kiến thức trao đổi học hỏi bạn bè thông qua hoạt động nhóm; có thái độ tôn trọng, lắng nghe, có phản ứng tích cực trong giao tiếp.

- *Năng lực mô hình hóa:* vận dụng kiến thức bài học vào bài toán thực tiễn .

- *Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán:* biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán .

**3. Phẩm chất:**Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, SGV, Tài liệu giảng dạy, giáo án PPT,..

**2 - HS**: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a) Mục tiêu:** HS hệ thống lại được kiến thức hình học đã học trong HK2.

**b) Nội dung:** HS trình bày lại các kiến thức trọng tâm chương 8 dựa vào sơ đồ đã vẽ ở tiết ôn tập chương 8.

+ Nhóm 1: **Góc và cạnh của một tam giác + Đường vuông góc và đường xiên.**

* *Định lí tổng số đo ba góc của một tam giác*
* *Định lí quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác.*
* *Định lí quan hệ giữa cạnh và góc trong một tam giác.*
* Đường vuông góc và đường xiên và mối quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên

+ Nhóm 2: **Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông + Tam giác cân**

* *Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác*
* *Các trường hợp bằng nhau của hai tam giác vuông*
* *Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết tam giác cân*
* *Định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết tam giác đều, tam giác vuông cân*

+ Nhóm 3: **Đường trung trực của đoan thẳng + Tính chất ba đường trung trực của tam giác + Tính chất ba đường cao của tam giác**

* *Định nghĩa đường trung trực của một đoạn thẳng + Tính chất đường trung trực.*
* *Đường trung trực của tam giác + tính chất ba đường trung trực của tam giác.*
* *Định nghĩa đường cao + Tính chất ba đường cao của tam giác.*

+ Nhóm 4: **Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác + Tính chất ba đường phân giác của tam giác**

* *Định nghĩa đường trung tuyến + Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác.*
* *Định nghĩa đường phân giác + Tính chất ba đường phân giác của tam giác.*

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Chuyển giao*** | - GV yêu cầu các nhóm cử đại diện lên trình bày nội dung của nhóm mình dựa vào sơ đồ tư duy.  |
| ***Thực hiện*** | - Thảo luận lại nội dung của nhóm. |
| ***Báo cáo, thảo luận*** | - GV gọi đại diện học sinh lên bảng trình bày nội dung của nhóm.*-* Các nhóm khác nhận xét, bổ sung để hoàn thiện. |
| ***Kết luận, nhận định*** | - GV đánh giá thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh, ghi nhận và tổng hợp kết quả.- GV chiếu nội dung tóm tắt một cách đầy đủ nhất. |

**2.** **HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP PHẦN TRẮC NGHIỆM (15’)**

1. **Mục tiêu**: Giải một số câu hỏi trong đề cương.
2. **Nội dung:**

**Câu 1:** Cho tam giác cân ABC (AB = AC ), biết . Thì số đo  có kết quả là:

 **A.** = 400 **B.** = 600 **C.** = 200 **D.** = 300

**Câu 2:** Câu nào sai trong các câu sau:

 **A.** Góc ở đáy của một tam giác cân thì không nhỏ hơn 900.

 **B.** Trong một tam giác vuông, hai góc nhọn phụ nhau.

 **C.** Trong một tam giác, góc nhỏ nhất là góc nhọn.

 **D.** Trong một tam giác vuông, góc vuông là góc lớn nhất.

**Câu 3:** Cho tam giác ABC vuông cân tại A, có AB = a, BC bằng:

 **A.** 2a2 **B.** - 2a2 **C.**  **D.** -

**Câu 4:** Cho tam giác ABC có =50o ;  = 60o. Câu nào sau đây đúng?

**A.** AB > AC > BC **B.** AB > BC > AC

**C.** BC > AC > AB **D.** AC > BC > AB

**Câu 5:** Cho tam giác ABC, có AB = 6cm, BC = 8cm, AC = 5cm. Khẳng định nào sau đây là đúng:

 **A.** ; **B.** ; **C.** ; **D.** .

**Câu 6:** Bộ ba nào là số đo các cạnh của một tam giác:

 **A.** 7cm; 6dm; 5cm **B.** 7cm; 6cm; 5cm **C.** 2cm; 2cm; 5cm **D.** 4cm; 4cm; 8cm

**Câu 7:** Trọng tâm của tam giác là giao điểm của:

**A**. Ba đường trung tuyến **B.** Ba đường trung trực

**C.** Ba đường phân giác **D.** Ba đường cao

**Câu 8:** Trong một tam giác, điểm cách đều ba cạnh của tam giác là:

**A.** Giao điểm ba đường trung tuyến. **B.** Giao điểm ba đường trung trực.

**C.** Giao điểm ba đường phân giác. **D.** Giao điểm ba đường cao

**Câu 9:** Giao điểm của ba đường trung trực của tam giác thì:

 **A.** Cách mỗi đỉnh bằng  độ dài đường trung tuyến đi qua đỉnh đó

 **B.** Cách đều ba cạnh của tam giác

 **C.** Cách đều ba đỉnh của tam giác.

 **D.** Cách đều ba góc của tam giác

**Câu 10:** Cho biết G là trọng tâm của tam giác ABC, đường trung tuyến của tam giác ứng với cạnh BC là AM. Biết AG = 4cm, độ dài của GM là:

 **A.** 2cm **B.** 4cm **C.** 6cm **D.** 8cm

**Câu 11:** Trong tam giác vuông ABC độ dài 2 cạnh góc vuông là AB = 3; AC = 4. Độ dài đường trung tuyến AM là :

 **A.** 4cm **B.** 5cm **C.** 3 cm **D.** 2,5cm

**Câu 12:** Cho tam giác ABC có . Hai đường phân giác của góc B và góc C cắt nhau tại O.

Khi đó BÔC = ?

 **A.** 1200 **B.** 1250 **C.** 1000 **D.** 600

1. **Sản phẩm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2A | 3C | 4C | 5D | 6B | 7A | 8C | 9C | 10A | 11D | 12A |

1. **Tổ chức thực hiện:**

GV hỏi, hs đứng tại chỗ trả lời

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP PHẦN TỰ LUẬN (25’)**

**a. Mục tiêu**:

Giải bài tập trong đề cương.

**b. Nội dung:** Học sinh nghiên cứu SGK và các tài liệu để giải bài tập:

 **Bài tập:** Cho ΔABC vuông tại A, BD là đường phân giác của tam giác. Qua D kẽ DEBC (EBC). Chứng minh rằng:

 a) ΔABD = ΔEBD

 b) AD < DC

 c) BDAE.

**c. Sản phẩm:**

 a) Chứng minh ΔABD = ΔEBD (ch-gn)

 b) Ta có: AD = DE (ΔABD = ΔEBD)

 DE < DC (ΔEDC vuông tại E)

 AD < DC

 c) Ta có: BA = BE và DA = DE (ΔABD = ΔEBD)

 BD là trung trực của đoạn thẳng AE

 BDAE.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Chuyển giao*** | - Gv yêu cầu HS đọc đề bài, vẽ hình, nghiên cứu tìm lời giải.- HS nhận nhiệm vụ. |
| ***Thực hiện*** | - Vẽ hình.- Xem lại các bài đã giải ở nhà.- Thảo luận nhóm thống nhất lời giải. |
| ***Báo cáo, thảo luận*** | - HS lần lượt lên bảng trình bày từng câu, HS khác nhận xét.- Nhóm bổ sung, góp ý hoàn thiện câu trả lời. |
| ***Kết luận, nhận định*** | - GV đánh giá thái độ làm việc, phương án trả lời của học sinh, ghi nhận và tổng hợp kết quả.- GV chiếu nội dung bài giải. |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn lại toàn bộ kiến thức trong HK2.

- Hoàn thành các BT trong SGK và trong đề cương.

- Chuẩn bị các dụng cụ học tập để kiểm tra học kì 2.